

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa và bà Nguyễn Thị Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hữu Ái – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2025/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2025/QĐST-DS, ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1991 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn I T, xã C, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ trước khi sáp nhập: Thôn I, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1991 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn G E, xã C, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ trước khi sáp nhập: Tổ dân phố G, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Ngọc Q kết hôn năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn là tự nguyện,

không bị ép buộc, không bị lừa dối. Chị H và anh Q có 1 con chung là Nguyễn An N, sinh ngày 01/01/2017, hiện nay đang sống cùng chị H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên không tìm được tiếng nói chung. Khi xảy ra cãi vã, cả hai đều có lời nói xúc phạm, không tôn trọng lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay. Anh Q bỏ về nhà bố mẹ tại tổ dân phố G, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông (nay là tổ dân phố G, xã C, tỉnh Lâm Đồng) còn chị H và cháu N vẫn tiếp tục sinh sống tại thôn I, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông (nay là thôn I, xã C, tỉnh Lâm Đồng). Chị H nhận thấy không còn tình cảm yêu thương với anh Q, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không còn duy trì vì vậy, chị H khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9- Lâm Đồng giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Q. Về con chung: Chị H có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn An N, sinh ngày 01/01/2017 và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 29/9/2025, chị Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như nội dung đã trình bày.

2. Đối với bị đơn anh Nguyễn Ngọc Q:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Nguyễn Ngọc Q nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia các phiên hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Lâm Đồng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với tất cả các đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị Lê Thị H yêu cầu ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Q, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc Q hiện đang cư trú tại thôn G E, xã C, tỉnh Lâm Đồng (trước đây là tổ dân phố G, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông). Nên Tòa án nhân dân huyện Cư Jút nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Lâm Đồng thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Ngọc Q kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn là tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc, do đó hôn nhân giữa chị H và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Chị H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc xin ly hôn là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Khi xảy ra cãi vã, cả hai đều có lời nói xúc phạm, không tôn trọng lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh Q là trầm trọng, vợ chồng không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đời sống chung không còn duy trì, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn An N, sinh ngày 01/01/2017. Chị H có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Cháu Nguyễn An N cũng có nguyện vọng sống cùng mẹ. Do anh Q không đến Tòa án để làm việc, không đưa ra quan điểm, ý kiến về quyền được nuôi con chung sau khi ly hôn. Trên cơ sở xem xét điều kiện, hoàn cảnh kinh tế cũng như nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung là Nguyễn An N, sinh ngày 01/01/2017 cho chị H trực tiếp

trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù với với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9- Lâm Đồng tại phiên toà là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn An N, sinh ngày 01/01/2017 cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Ngọc Q được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Chị Lê Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 và Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005425 ngày 18/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 9-Lâm Đồng;
- Phòng THADS Khu vực 9, tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Cư Jút.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Huệ